

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/3/2022

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung Th – C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1981;

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1973;

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã TTr, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị Th đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2021, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTr, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th thì nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng suy nghĩ tính cách, nhưng vì các con và hạnh phúc gia đình nên chị đã cố gắng để hòa hợp rất nhiều. Từ tháng 5 năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh C mỗi khi uống rượu là thường xuyên chửi bới và đánh đập chị nên anh chị đã ly thân với nhau. Từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị Th làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là các cháu Đỗ Cường Thu L, sinh ngày 14/02/2001 và cháu Đỗ Thị Vân S, sinh ngày 20/02/2012. Cháu L đã trưởng thành và khỏe mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu S hiện nay đang ở cùng với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Th trình bày anh chị không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/12/2022 trong buổi làm việc với anh Đỗ Văn C, anh C đã được giải thích các quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, anh C có ý kiến không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh từ chối viết bản tự khai, từ chối việc Tòa án lấy lời khai của anh, không đưa ra quan điểm để hàn gắn hòa giải hay về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đỗ Văn C nhiều lần, tuy nhiên anh C không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho anh C theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 07/01/2022, Ủy ban nhân dân xã và Công an xã TTr, huyện T cùng đại diện cơ sở thôn, trường Tiểu học TTr nơi cháu S đang học tập cung cấp thông tin như sau:

Anh Đỗ Văn C, sinh ngày 25/5/1973 có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã TTr, huyện T, tỉnh Thái Bình, số chứng minh nhân dân 151000905 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 28/6/2013, có số căn cước công dân mới là 034073026897 là công dân có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang sinh sống và lao động tại địa phương. Chị Th và anh C có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTr, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 29/11/2000. Sau khi kết hôn, chị Th và anh C chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến khoảng giữa năm 2021 thì anh chị có xảy ra tình trạng đánh cãi nhau còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được, cơ sở thôn đã hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng hai anh chị không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân đến nay. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã TTr về việc chị Th xin ly hôn anh C là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng vì các bên đương sự đã sống ly thân và chị Th kiên quyết ly hôn, anh C cũng không đưa ra quan điểm hàn gắn hòa giải thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị Th và anh C có hai con chung là các cháu Đỗ Cường Thu L, sinh ngày 14/02/2001 và cháu Đỗ Thị Vân S, sinh ngày 20/02/2012. Cháu L đã trưởng thành và khỏe mạnh, cháu S hiện nay đang ở cùng và học tập tại trường Tiểu học TTr là nơi chị Th đang công tác. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật và nguyện vọng của các con để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc chị Th và anh C có vay nợ tổ chức, cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh C mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc chị Th xin ly hôn anh; được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh không trình bày ý

kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn anh Đỗ Văn C; Về quan hệ con chung: Cháu Đỗ Cường Thu L, sinh ngày 14/02/2001 đã trưởng thành và khỏe mạnh, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết; Giao con chung Đỗ Thị Vân S, sinh ngày 20/02/2012 cho chị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Th không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TTr, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh C đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTr, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 ngày 29/11/2000. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Th trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng suy nghĩ tính cách, nhưng vì các con và hạnh phúc gia đình nên anh chị đã cố gắng để hòa hợp rất nhiều. Từ tháng 5 năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh C mỗi khi uống rượu là thường xuyên chửi bới và đánh đập chị Th nên anh chị đã ly thân với nhau, từ đó đến nay anh chị không hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tại các văn bản gửi đến Tòa án và trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Th trình bày anh C không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn hôn nhân, trốn tránh không đến Tòa án làm việc để gây khó khăn cho chị và chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, chị kiên quyết xin được ly hôn anh C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh C, anh C đã biết được việc chị Th xin ly hôn anh

nhưng anh không đưa ra quan điểm, nguyện vọng giải quyết hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Th, không trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc anh C không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị Th và anh C cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau và ly thân từ năm 2021. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh C đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị Th cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị Th được ly hôn anh C là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Th và anh C có hai con chung là các cháu Đỗ Cường Thu L, sinh ngày 14/02/2001 và cháu Đỗ Thị Vân S, sinh ngày 20/02/2012. Cháu Đỗ Cường Thu L hiện nay khỏe mạnh và đã trưởng thành nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Cháu Đỗ Thị Vân S hiện đang ở cùng với chị Th. Ly hôn chị Th có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu S muốn được ở với mẹ cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu S do từ trước đến nay cháu vẫn được chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng và đang phát triển bình thường, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung Đỗ Thị Vân S cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị Th không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh C không có nợ chung, chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn anh Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Con chung Đỗ Cường Thu L, sinh ngày 14/02/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Đỗ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Vân S, sinh ngày 20/02/2012. Chị Th không yêu cầu anh C cấp

đưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị Thu đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004016 ngày 30/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã TTr;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh